THÔNG TIN TÓM TẮT

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI - VINACOMIN

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103005779 do Sở Kế hoạch đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/11/2004,đăng ký thay đổi lần thứ 19 theo số 0100101298 ngày 31/08/2015)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HÀ NỘI

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1. TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI - VINACOMIN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Việt Á, Duy Tân, Dịch vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04 3518 0079 Fax: 04 3851 0413

Website: www.vinacoaltour.com.vn

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 3, TT Hội nghị công đoàn, số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.38181 888 Fax: 04.38181 888

Website: www.shs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Trịnh Đăng Thuận

Chức vụ: Phó phòng KTTC

Số điện thoại: (04) 35180121

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI - VINACOMIN

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103005779 do Sở Kế hoạch đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 19 theo số 0100101298 ngày 31/08/2015)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	**Cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại –Vinacomin**
Loại cổ phiếu:	**Cổ phiếu phổ thông**
Mệnh giá:	**10.000 đồng/cổ phiếu**
Tổng khối lượng đăng ký:	**2.500.056 cổ phiếu**
Tổng giá trị đăng ký:	**25.000.560.000 đồng**

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Biến cơ hội thành giá trị

Địa chỉ: Tầng 3, TT Hội nghị công đoàn, số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.38181888 Fax: 04.38181688

Website: http://www.shs.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa

Điện thoại: 043783 3911 Fax: 043783 3914

Website: http://www.bdo.vn

MỤC LỤC

MỤC LỤC 3
I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH 5
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 5
1.1 Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch 5
1.2 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch 6
1.3 Lịch sử hình thành và phát triển 6
1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ 7
2. Cơ cấu tổ chức công ty 8
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty 8
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 20/08/2015 11
4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 20/08/2015. 11
4.2 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 20/08/2015 11
4.3 Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ 11
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của VTTC, những công ty mà VTTC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VTTC 12
5.1 Công ty mẹ của VTTC. 12
5.2 Công ty mà VTTC nắm giữ quyền kiểm soát/cổ phần chi phối:. 12
5.3 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VTTC 12
6. Hoạt động kinh doanh 12
6.1 Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty 12
6.2 Doanh thu, lợi nhuận qua các năm 13
6.3 Kế hoạch phát triển kinh doanh 13
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 14
7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2013, 2014 và 6 tháng đầu năm 2015 14
7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty 15
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 15
8.1 Vị thế của công ty trong ngành 15
8.2 Triển vọng phát triển của ngành 16
8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới. 16
9. Chính sách đối với người lao động 17

9.1 Tình hình lao động 17
9.2 Chính sách đối với người lao động 17
10. Chính sách cổ tức 18
11. Tình hình hoạt động tài chính 18
11.1 Các chỉ tiêu cơ bản 18
11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 20
12. Tài sản 21
12.1 Tài sản cố định 21
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2015 – 2016 21
13.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2015-2016 21
13.2 Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức. 22
14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh 22
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty 23
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu 23
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY 24
1. Hội đồng quản trị 24
2. Ban kiểm soát 29
3. Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý 32
4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty 35
III. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH 36
IV. CÁC KHÁI NIỆM 37
V. PHỤ LỤC 38

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch

- Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin**
- Tên tiếng Anh: Vinacomin - Tourism & Trading Joint Stock Company
- Tên viết tắt: VTTC
- Vốn điều lệ đăng ký **25.000.560.000 đồng**
- Vốn điều lệ thực góp: **25.000.560.000 đồng**
- Trụ sở chính: Tầng 8, Việt Á, Duy Tân, Dịch vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 3518 0079
- Fax: (04) 3851 0413
- Website www.vinacoaltour.com.vn
- Logo của Công ty:

- **Giấy chứng nhận ĐKKD:** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103005779 do Sở Kế hoạch đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 19 theo số 0100101298 ngày 31/08/2015
- **Ngày trở thành công ty đại chúng:**30/09/2004
- **Người đại diện theo pháp luật:** Nguyễn Đoan Trang, chức vụ: Giám đốc
- **Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:**
  - Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong và ngoài nước;
  - Kinh doanh khách sạn, ăn uống, căn hộ cho thuê, vận chuyển du lịch, dịch vụ du lịch;
  - Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô;
  - Dịch vụ xuất nhập cảnh và dịch vụ học sinh du học nước ngoài;
  - Kinh doanh, xuất nhập khẩu uỷ thác và xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, hàng hoá, máy móc thiết bị phục vụ du lịch, sản xuất và đời sống;
  - Chế biến và kinh doanh than;
  - Sản xuất, gia công, lắp ráp thiết bị, dụng cụ sản xuất và tiêu dùng;
  - Môi giới, tư vấn, kinh doanh bất động sản;
  - Vận chuyển đất đá, than, vật liệu, hàng hoá, máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất và đời sống;
  - Dịch vụ tắm và bể bơi;
  - Dịch vụ xông hơi, dịch vụ tắm nước khoáng nóng (không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền);
  - Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, kinh doanh bia (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar).

- Dịch vụ đại lý xăng dầu;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị y tế, hoá chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm) và dược phẩm, muối vô cơ;
- Dịch vụ cho thuê thiết bị và bốc xúc, san gạt đất đá, than, khoáng sản;
- Kinh doanh xuất, nhập khẩu khoáng sản và nông sản;
- Khai thác, kinh doanh cát, đá, sỏi và vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ đào tạo;
- Dịch vụ tư vấn du học tự túc (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính).
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ bán đấu giá tài sản;

1.2 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: **Cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin**
- Loại chứng khoán **Cổ phiếu phổ thông**
- Mã chứng khoán: **DLT**
- Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần)**
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: **2.500.056 cổ phiếu**
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng: **không có**
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán. Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 20/08/2015 Công ty không có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu cổ phần Công ty.

1.3 Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại –Vinacomin tiền thân là Công ty Du lịch Than, được thành lập theo Quyết định số 2778/QĐ-TCCB ngày 25/09/1996 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp;

Cuối năm 2001, để đáp ứng tình hình phát triển và mở rộng ngành nghề kinh doanh, Công ty đã đề nghị và được Hội đồng quản trị Tập đoàn TKV cho đổi tên thành Công ty Du lịch và Thương mại (VTTC) theo quyết định số 1338/QĐ-HĐQT ngày 13/12/2001;

Thực hiện chủ trương chuyển đổi các doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty được cổ phần hóa và chuyển đổi thành Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại -TKV theo quyết định số 104/2004/QĐ-BCN ngày 30/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Ngày 01/11/2004, công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số0103005779do Sở Kế hoạch vàĐầu tư Tp. Hà Nội cấp với vốn điều lệ là10.465.000.000 đồng.

Ngày 26/12/2005, Chính phủ có quyết định thành lập Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, bao gồm Tập đoàn Than Việt Nam và Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam sáp nhập vào. Với địa vị pháp lý là một Công ty con của Tập đoàn, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Du lịch và thương mại – VINACOMIN;

Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, cùng với những thay đổi của VINACOMIN, Công ty cũng đã có những thay đổi để phù hợp và phát triển. Hiện nay Công ty có trụ sở chính đặt tại Hà Nội, các chi nhánh, các cơ sở kinh doanh ở Hà Nội, Quảng Ninh, Hà Tĩnh và Lâm Đồng.

1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty cổ phần là 10.465.000.000 đồng.

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	Tháng 12/2008	2.945.530.000	13.410.530.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2008 - Báo cáo kết quả phát hành gửi UBCKNN -Giấy CNĐKKDsố 0103005779 do Sở KHĐT Tp. Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 8 ngày 22/05/2009
2	Tháng 6/2010	6.087.440.000	19.497.970.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 - Báo cáo kết quả phát hành gửi UBCKNN - Giấy CN ĐKKD số 0100101298 (số cũ là 0103005779) do Sở KHĐT Tp. Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 11 ngày 06/08/2010
3	29/10/2014	5.503.460.000	25.000.560.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc tăng vốn - Giấy phép chào bán ra công chúng số - Báo cáo kết quả phát hành - Giấy CN ĐKKD số 0103005779 do Sở KHĐT Tp. Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 18 theo số 0100101298 ngày 09/12/2014

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin

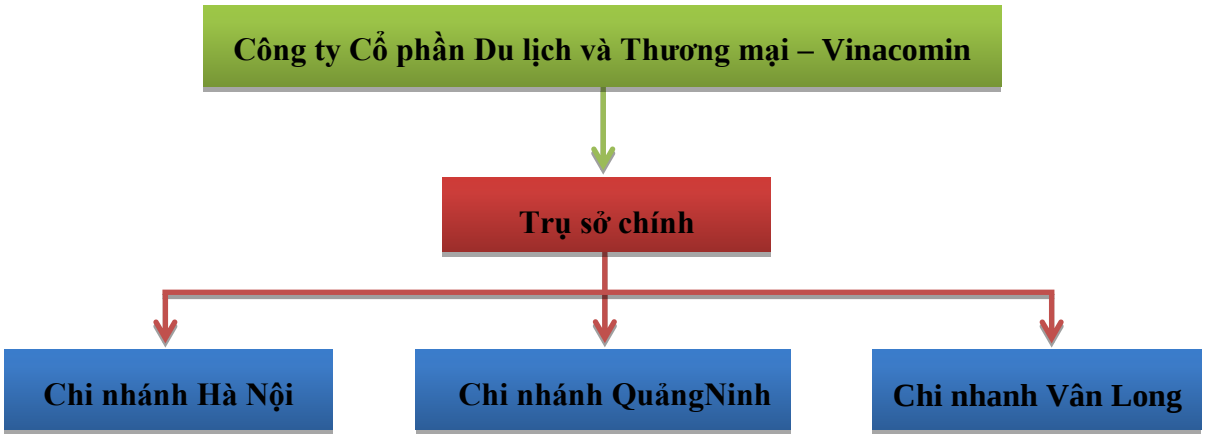

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacominđược tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

- **Trụ sở chính Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin:**

  Địa chỉ: Tầng 8 - Toà nhà Việt Á, Phố Duy Tân, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.

  Điện thoại: (04) 3518 0079 Fax: (04) 3851 0413

Trụ sở chính của Công ty là nơi đặt văn phòng làm việc của Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty, các khối nghiệp vụ của Công ty gồm: Bộ phận quản lý và Bộ phận kinh doanh.

- **Chi nhánh Hà Nội:**

  Địa chỉ: 226 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội,

  Điện thoại: (04) 3518 0077 Fax: (04) 3518 0598

- **Chi nhánh Quảng Ninh:**

  Địa chỉ: Vườn Đào, Bãi Cháy - TP Hạ Long, Quảng Ninh.

  Điện thoại: (03) 3362 4028 Fax: (03) 3382 1329.

- **Chi nhánh Vân Long:**

  Địa chỉ: Km 4 Đường Trần Phú, Thị xã Cẩm Phả, Quảng Ninh.

  Điện thoại: (03) 3386 2253 Fax: (03) 3386 4143.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ tổ chức quản lý Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường, tổ chức ít nhất mỗi năm một lần, quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,… Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

❖ Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ giám sát Giám đốc và những người quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định, cụ thể có quyền quyết định, chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm, xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở Đại hội đồng cổ đông thông qua, đề xuất mức chi trả cổ tức hàng năm. Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm và bãi nhiệm Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty bao gồm:

- Ông **Lê Quang Bình** Chủ tịch HĐQT
- Bà **Nguyễn Đoan Trang** Thành viên HĐQT kiêm Giám Đốc
- Bà**Nguyễn Thị Kim Oanh** Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
- Bà**Nguyễn Quỳnh Phương** Thành viên HĐQT
- Ông **Nguyễn Mạnh Toàn** Thành viên HĐQT

❖ **Ban kiểm soát**

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát các báo cáo tài chính hàng năm, 6 tháng, hàng quý, các vấn đề kiểm toán và các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, bảo vệ quyền lợi cổ đông theo luật pháp và Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty bao gồm:

- Ông **Nguyễn Anh Chung** Trưởng Ban kiểm soát
- Ông **Vương Ngọc Quảng** Thành viên Ban kiểm soát
- Ông **Bùi Thanh Trường** Thành viên Ban kiểm soát

❖ **Ban Giám đốc**

Điều hành toàn bộ các hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và pháp luật về kết quả hoạt động của mình.Xác định cơ cấu tổ chức, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc, các cấp quản lý trong Công ty. Xây dựng kế hoạch sản xuất dài hạn và hàng năm, các phương án kinh doanh, các dự án đầu tư mới, các phương án liên doanh, liên kết trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Các thành viên Ban Giám đốc Công ty bao gồm:

- Bà **Nguyễn Đoan Trang** Giám đốc
- Ông **Trần Tất Thành** Phó Giám đốc
- Bà **Nguyễn Thị Kim Oanh** Phó Giám đốc
- Ông **Nguyễn Thanh Tùng** Phó Giám đốc

❖ **Các phòng ban**

Phòng Quản lý, gồm:

- Phòng Tổ chức – hành chính
- Phòng Kế toàn tài chính
- Phòng Kế hoạch đầu tư

Phòng Kinh doanh, gồm:

- Phòng Xuất nhập khẩu I
- Phòng Xuất nhập khẩu II
- Phòng Du lịch lữ hành I
- Phòng Du lịch lữ hành II
- Phòng Dịch vụ du lịch

❖ **Các đơn vị trực thuộc:**

- Chi nhánh Hà Nội

- Chi nhánh Quảng Ninh
- Chi nhánh Vân Long.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 20/08/2015

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 20/08/2015.

Tên cổ đông	Số CMT/GCN ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	5700100256	226 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội	900.021	36,00
Công ty CP Lốp Xe Việt	3701098567	190 Bạch Đằng, P24, Bình Thạnh, TP. HCM	375.000	15,00
Bà Nguyễn Quỳnh Phương	012711341	Tầng 8 toà nhà Việt Á, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	146.812	5,87
Tổng			**1.421.833**	**56,87**

(Nguồn: Danh sách cổ đông của VTTC chốt tại ngày 20/08/2015)

4.2 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 20/08/2015

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượngcổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	**280**	**2.500.056**	**100,00 %**
* Cá nhân	277	1.205.035	48,20 %
* Tổ chức	03	1.295.021	51,80%
II. Cổ đông nước ngoài	**0**	**0**	**00 %**
* Cá nhân	0	0	0 %
* Tổ chức	0	0	0 %
III. Cổ phiếu quỹ	0	0	0 %
Tổng		**2.500.056**	**100,00**

Hiện Công ty có 280 cổ đông, trong đó có 03 cổ đông tổ chức và không có cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.

4.3 Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014, cổ phần của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu (ngày 01/11/2004). Do đó, đến thời điểm lập Bản công bố thông tin này, cổ phần của

cổ đông sáng lập của Công ty không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của VTTC, những công ty mà VTTC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VTTC

5.1 Công ty mẹ của VTTC.

Không có

5.2 Công ty mà VTTC nắm giữ quyền kiểm soát/cổ phần chi phối:.

Không có

5.3 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VTTC

Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty

Thế mạnh của VTTC là kết hợp giữa kinh doanh thương mại và du lịch. Công ty hiện đang sở hữu 2 khách sạn đạt tiêu chuẩn 2 sao ở Quảng Ninh gồm 129 phòng nghỉ, hội trường 500 chỗ và nhà ăngần 1.000 chỗ, phục vụ khách du lịch, công tác và hội họp. Những khách sạn này được đặt tại trung tâm khu nghỉ mát Hạ Long (khách sạn Biển Đông) và bên bờ Vịnh Bái Tử Long (khách sạn Vân Long) – một vùng đảo biển còn nguyên sơ, thơ mộng, với nhiều bãi tắm lý tưởng, sạch, đẹp nhất Miền Bắc Việt Nam.

Ngoài ra VTTC còn điều hành và sử dụng hệ thống gần 20 khách sạn, điểm du lịch sinh thái của Vinacomin từ 2 đến 4 sao nằm tại các trung tâm khu du lịch như: Thái Nguyên, Trà Cổ – Móng Cái, HạLong, Hà Nội, Tam Đảo, Sầm Sơn, Cửa Lò, Thành phố Hồ Chí Minh, ... Với đội ngũhướng dẫn viên chuyên nghiệp, nhiệt tình, hầu hết có kinh nghiệm từ 5 năm trongnghề, đã đưa hàng vạn lượt khách đi tham quan các nước Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ và khách nước ngoài đến du lịch các tuyến, điểm hấp dẫn của Việt Nam. Đặc biệt hơn VTTC còn có các sản phẩm du lịch độc đáo, đó là du lịch sinh thái Biển - Đảo, tham quan tìm hiểu địa chất - mỏ và khai thác, chế biến khoáng sản, làng nghề mỹ nghệ khoáng sản, mua quà lưu niệm, sản phẩm mỹ nghệ than độc nhất vô nhị trên thế giới và các sản phẩm mỹ nghệ khoáng sản quý hiếm khác. VTTC còn là cầu nối xúc tiến đầu tư, thương mại chocác đối tác muốn tìm hiểu và đầu tư, cung cấp thiết bị, công nghệ cho ngành khai thác và chế biến khoáng sản vàoVinacomin nói riêng và Việt Nam nóichung.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty gồm:

- Kinh doanh thương mại: Nhập khẩu, mua bán trong nước các loại máy móc thiết bị, vật tư khai thác mỏ; các loại hóa chất cho ngành công nghiệp khai khoáng.
- Kinh doanh lữ hành du lịch trong và ngoài nước.
- Kinh doanh khách sạn: Phòng nghỉ, dịch vụ ăn uống, hội họp, tổ chức sự kiện.
- Dịch vụ thông quan giao nhận, vận chuyển thiết bị các dự án đầu tư.
- Dịch vụ phục vụ văn phòng, quản lý tòa nhà.
- Dịch vụ đại lý bán vé máy bay.

6.2 Doanh thu, lợi nhuận qua các năm

Cơ cấu doanh thuqua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Lĩnh vực	Năm 2013		Năm 2014		6 tháng/2015	
		Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
1	Thương mại	791.627	89,62%	800.335	86,19%	972.915	95,01%
2	Dịch vụ du lịch	91.693	10,38%	128.251	13,81%	51.151	4,99%
Tổng		**883.320**	**100%**	**928.586**	**100%**	**1.024.066**	**100%**

Nguồn: BCTC KT2014 BCTC Quý2/2015của VTTC

Năm 2014, kinh doanh lữ hành vẫn còn gặp nhiều khó khăn.Sự cạnh tranh giữa các Công ty du lịch trong và ngoài ngành vẫn rất gay gắt. Tình hình căng thẳng tại biển Đông và khủng hoảng chính trị Thái Lan đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến kinh doanh của lĩnh vực này. Tuy nhiên, Công ty đã có nhiều biện pháp chỉ đạo quyết liệt như: phát động chiến dịch kích cầu du lịch từ tháng 5 đến tháng 9, thiết lập mới mảng dịch vụ du lịch để đẩy mạnh công tác bán lẻ, chuyên môn hoá về dịch vụ vé máy bay, hộ chiếu, visa,... đồng thời CBCNV làm du lịch cũng cố gắng nỗ lực vượt khó, bám sát thị trường, xây dựng các chương trình tour mới đi nước ngoài hấp dẫn. Đối với bộ phận đại lý vé máy bay, năm qua Công ty cũng đã không ngừng mở rộng liên kết, hợp tác với các hãng hàng không lớn như: Vietnam airline, Vietjet air, Nippon airline,... Đây là một lĩnh vực kinh doanh mới, tuy chưa đạt hiệu quả cao nhưng đã góp phần làm tăng doanh thu, giúp cho mảng du lịch chủ động hơn về dịch vụ và giảm được giá thành tour. Đối với kinh doanh khách sạn, hai khách sạn Biển Đông và Vân Long của Công ty luôn được quan tâm sửa chữa và cải tạo kịp thời nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ. Tuy nhiên, theo tình hình khó khăn chung, cùng với tình hình căng thẳng tại Biển Đông khiến lượng khách từ Trung Quốc giảm mạnh, ảnh hưởng chung đến kết quả kinh doanh của ngành. Nhìn chung, với những khó khăn phải đối mặt, việc doanh thu du lịch năm 2014 vẫn đạt hơn 128 tỷ đồng (tăng gần 40% so với năm 2013).

Về mảng kinh doanh thương mại, năm 2014 VTTC cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn về điều kiện kinh doanh như: sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt của các đơn vị thương mại trong và ngoài ngành, một số khách hàng truyền thống thay đổi cơ cấu tổ chức làm ảnh hưởng đến việc bám sát thị trường,... Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt từ Ban lãnh đạo, cùng với kinh nghiệm làm việc lâu năm trong mảng thương mại đã giúp cho Công ty có những giải pháp nhằm vượt qua khó khăn, bám sát thị trường, cung cấp kịp thời các sản phẩm theo yêu cầu khách hàng, qua đó từng bước giúp Công ty đứng vững và khẳng định thương hiệu VTTC trên thị trường. Kết quả là, doanh thu thương mại năm 2014 của Công ty đạt 800 tỷ đồng (tăng nhẹ 1% so với năm 2013).

Bước sang năm 2015, cùng với những tín hiệu tốt từ nền kinh tế và tình hình ổn định chính trị trên toàn thế giới, tình hình kinh doanh của Công ty cũng có những chuyển biến rõ rệt. Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 2015, doanh thu của Công ty đã đạt hơn 1.000 tỷ đồng, vượt 10% so với kế hoạch doanh thu cả năm 2015. Lợi nhuận trước thuế thu nhận dự kiến đạt 4.144 triệu đồng.

6.3 Kế hoạch phát triển kinh doanh

Mục tiêu phát triển trong những năm tới của VTTC là tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, tiết kiệm tối đa chi phí đồng thời hoàn thiện và nâng cao hiệu quả về mặt quản lý, đặc biệt là các cơ

chế điều hành. Ngoài ra, Công ty cũng phấn đấu điều chỉnh cơ chế khoán cho phù hợp, nỗ lực hoàng thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được đề ra, đảm bảo thu nhập cho cổ đông và người lao động. Căn cứ vào định hướng hướng phát triển chung, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra các mục tiêu cho từng mảng kinh doanh, cụ thể:

a) Mục tiêu về kinh doanh du lịch

Năm 2015, để duỳ trì mức ổn định và tăng trưởng hơn sơ với năm 2014, Công ty định hướng tiếp tục khai thác tối đa thị trường trong ngành, phát triển mạnh bán lẻ ngoài ngành, tăng cường tiếp thị, khảo sát, xây dựng sản phẩm mới đa dạng, tạo tính hấp dẫn, đáp ứng được thị hiếu của khách hàng. Công ty cũng không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, chuyên nghiệp hoá đội ngũ lữ hành, chào bán tour trực tuyến trên trang web để triển khai đón khách inbount. Mảng kinh doanh vé máy bay sẽ được đẩy mạnh, tập trung khai thác tốt giá vé đầu vào đối với các hãng hàng không. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ tiếp tục nghiên cứu, phân tích thị trường một cách có hệ thống để có hướng xử lý nhanh, kịp thời đáp ứng được yêu cầu kinh doanh, nâng cao tính chuyên nghiệp, thực hiện tốt sự phân công thị trường, phối hợp giữa các chi nhánh để nâng cao hiệu quả kinnh doanh và thương hiệu công ty.

b) Mục tiêu kinh doanh thương mại

Công ty sẽ tiếp tục bám sát nhu cầu sử dụng các sản phẩm chính như lốp, xút và vật tư, thiết bị các đơn vị trong ngành để có giải pháp kinh doanh, giành lại thị trường, tăng thị phần, quyết liệt giảm hàng tồn kho. Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng phát triển, tìm kiếm thị trường mới, đặc biệt chú trọng đến thị trường các đơn vị khai thác hầm lò, các dự án mở rộng sản xuất trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2013, 2014 và 6 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014		6 tháng /2015
		Giá trị	% tăng giảm	
Tổng giá trị tài sản	324.302	381.360	17,59%	568.463
Vốn chủ sở hữu	39.753	41.647	4,76%	44.879
Doanh thu thuần	883.320	928.586	5,12%	1.024.066
Lợi nhuận từ hoạt động KD	-4.803	-9.549	98,81%	-10.696
Lợi nhuận khác	14.854	19.655	32,32%	14.840
Lợi nhuận trước thuế	10.051	10.106	0,55%	4.144
Lợi nhuận sau thuế	6.928	7.858	13,42%	3.232
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	33.77%	38.18%	-	-
Gía trị sổ sách (đồng/CP)	20.388	16.658	-	17.951

Nguồn: BCTC KT 2014 BCTC Quý2/2015 của VTTC

Song song với quá trình phát triển doanh thu, tổng tài sản của Công ty cũng liên tục gia tăng qua các năm. Năm 2014, tổng tài sản Công ty tăng 57 tỷ đồng tưởng đương với tăng 17,6% so với tổng tài sản ở thời điểm cuối năm 2013. Đến 30/06/2015, tổng tài sản của Công ty đạt hơn 568 tỷ đồng, tăng 187 tỷ đồng tương đương với tăng 49,06% so với tổng tài sản tại cuối năm 2014.

Nhìn chung, lợi nhuận của Công ty được giữ ở mức ổn định qua các năm, với mức lợi nhuận sau thuế thường xuyên đạt 10 tỷ/năm. Đây cũng chính là cơ sở để VTTC luôn duy trì mức trả cổ tức ổn định 12% trong 2 năm 2013 và 2014.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

a) Những nhân tố thuận lợi

- Công ty có đội ngũ CBCNV chuyên nghiệp, nhiều kinh nghiệm trong kinh doanh và quản lý; tập thể người lao động đoàn kết, thống nhất cao.
- Bên cạnh đó, VTTC cũng tạo dựng được mối quan hệ bền chặt với các ngân hàng, các công ty tài chính và từ đó luôn giành được những mức lãi suất cũng như hạn mức vay hấp dẫn.
- Các khách hàng chính của VTTC thường là những đối tác lâu năm, có quan hệ kinh doanh thân thiết với Công ty
- Ngoài ra, việc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam vẫn đang trên đà phát triển và tiếp tục đầu tư hiện đại hóa khâu sản xuất và khai thác than, song song phát triển các ngành khoáng sản, Bauxit - nhôm, điện, cơ khí, vật liệu nổ; đã tạo điều kiện để Công ty có được một thị trườngổn định và nhằm phát triển sản xuất kinh doanh.

b) Những nhân tố khó khăn

Với nguồn vốn lưu động hạn hẹp, trong khi hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Du lịch lữ hành trong nước và quốc tế, xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ khách sạn… luôn cần một lượng vốn rất lớn tiền nội tệ và ngoại tệ, để đáp ứng kịp thời nhu cầu về vốn phục vụ kinh doanh, Công ty thường xuyên phải vay vốn từ các tổ chức tài chính, tín dụng. Do đó yếu tố điều hành lãi suất và tỷ giá của Ngân hàng Nhà N□ớc ảnh h□ởng rất lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

Nhìn chung, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn trong năm 2014, nhưng dưới sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Ban lãnh đạo, CBCNV toàn Công ty đã cùng nhau chung sức, đồng lòng, vượt qua mọi khó khăn phấn đấu hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh được đề ra, xây dựng Công ty ngày càng phát triển, ổn định và bền vững.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Du lịch và thương mại - Vinacomin là một trong những doanh nghiệp kinh doanh Du lịch và Thương mại hàng đầu của khu vực Hà Nội. Trong 19 năm hoạt động, Công ty đạt được nhiều tiến bộ vượt bậc trong ngành du lich và thương mại. Với đội ngũ nhân viên nhiệt tình, năng động, Công ty đã cung cấp dịch vụ du lịch có chất lượng cao và hàng hóa đảm bảo chất lượng làm hài lòng du khách và khách hàng.

Bước sang năm 2015, hoạt động của Công ty cho thấy sự tăng trưởng đáng kể. Cụ thể, sau 6 tháng đầu năm 2015, tổng doanh thu của VTTC đạt hơn 1.000 tỷ đồng, vượt 10% so với kế hoạch doanh thu cả năm được đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2015. Điều đó cho thấy uy tín về thương hiệu của Công ty.

Những thành tựu trên đạt được là do Công ty đã không ngừng cải tiến trong cơ cấu tổ chức, quản lý trước những thách thức mới, đề ra chương trình, kế hoạch xây dựng văn hoá doanh nghiệp bằng nhiều công việc cụ thể như: Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, tạo môi trường làm việc thân thiện, đề cao sự sáng tạo và cố gắng của mỗi cá nhân, chú trọng đến sinh hoạt tinh thần của người lao động. Điều đó tạo nên một văn hoá doanh nghiệp lành mạnh khuyến khích cán bộ nhân viên nỗ lực làm việc.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Việt Nam hứa hẹn là một điểm đến du lịch hấp dẫn với du khách quốc tế với nhiều danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử đẹp. Bên cạnh đó, nền kinh tế trong nước ngày càng phát triển, đời sống được nâng cao khiến nhu cầu du lịch từ nội địa cũng tăng nhanh. Theo Tổng cục du lịch Việt Nam, năm 2014 ngành du lịch Việt Nam thu hút gần 8 triệu lượt khách quốc tế,32-35 triệu khách nội địa, con số dự kiến năm 2020 là 11-12 triệu khách quốc tế và 45-48 triệu khách nội địa. Doanh thu từ du lịch dự kiến sẽ đạt 18-19 tỷ USD năm 2020.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, ngành du lịch Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế gây cản trở sự phát triển như chất lượng dịch vụ chưa cao, cơ sở hạ tầng giao thông yếu kém, đường đi xấu, môi trường ô nhiễm. Những bất lợi trên đã làm giảm sức cạnh tranh của ngành du lịch Việt Nam so với các nước trên thế giới.

Nhìn chung, ngành du lịch Việt Nam có rất nhiều cơ hội để có thể tiến xa hơn mặc dù còn tồn tại một số hạn chế. Đối với kinh tế cả nước, ngành du lịch vẫn là một trong những ngành mũi nhọn trong công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước vì đây là ngành chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu GDP.

Việt Nam đang trên đà phát triển, nhu cầu cung cấp năng lượng và các khoáng sản khác cho nền kinh tế lớn là một trong những yếu tố thuận lợi để Tập đoàn TKV duy trì sản xuất và đầu tư phát triển.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

- **Về mảng kinh doanh lữ hành du lịch và khách sạn**

Du lịch là ngành mang lại thu nhập lớn đóng góp cho ngân sách nhà nước hàng năm. Đây cũng là nguồn thu ngoại tệ quan trọng trong tổng cơ cấu xuất khẩu dịch vụ. Nền kinh tế Việt Nam đang chuyển đổi từ nông nghiệp sang nền kinh tế dịch vụ nên ngành du lịch ngày càng có vai trò quan trọng và có đủ các yếu tố để phát triển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Đóng góp vào xu thế phát triển chung, VTTC đã không ngừng đẩy mạnh công tác tiếp thị quảng cáo, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế, doanh thu từ hoạt động du lịch lữ hành và dịch vụ tăng trưởng hàng năm.

Cùng với việc nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ lữ hành du lịch, Công ty đã đầu tư vào các khu hỗn hợp dịch vụ khách sạn với phương châm sử dụng có hiệu quả nguồn vốn và nguồn nhân lực, đồng thời phù hợp với xu thế phát triển của đất nước.

- **Về mảng kinh doanh thương mại**

Than và khoáng sản là một nguồn năng lượng và nguyên liệu quan trọng phục vụ phát triển kinh tế Việt Nam, với định hướng phát triển kinh doanh thương mại trên nền tảng sản xuất than và khoáng sản của Tập đoàn TKV, Công ty đã và đang tiếp tục cung cấp các loại vật tư, thiết bị đặc chủng trong khai thác mỏ cũng như các mặt hàng khác phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn TKV.

Như vậy, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của

ngành, với xu thế phát triển của đất nước cũng như của toàn bộ nền kinh tế thế giới, tận dụng được những lợi thế chủ quan của doanh nghiệp và những lợi thế khách quan do nhu cầu thị trường và chính sách Nhà nước đem lại.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Tình hình lao động

Tính đến ngày 30/6/2015, toàn Công ty có 286 lao động.

Cơ cấu lao động của công ty

Tiêu chí	Số lượng*(người)*	Tỷ lệ*(%)*
Trên đại học	06	2,1
Đại học	174	60,8
Trung cấp + Cao đẳng	54	18,9
Công nhân	28	9,8
Lao động phổ thông	24	8,4
Tổng số	286	100

Nguồn: VTTC

9.2 Chính sách đối với người lao động

a) Chế độ làm việc

Thời gian làm việc:Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, từ thứ hai đến thứ sáu. Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất, kinh doanh các nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và có đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Nhân viên được nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ Luật lao động.

Điều kiện làm việc:Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Những CBCNV do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

b) Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Công ty có xây dựng một quy chế cụ thể về chính sách đào tạo được công bố công khai tới toàn bộ CBCNV trong Công ty. Chính sách đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của công việc. CBCNV thường xuyên được tham gia các khóa học về kỹ năng quản lý, tin học, ngoại ngữ…. Hình thức đào tạo được tổ chức theo dạng đào tạo tập trung hoặc đào tạo qua công việc thực tế.

c) Chính sách lương và thưởng

CBCNVcủa Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy

định của pháp luật. Ngoài ra, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên công ty còn nhận được phụ cấp liên quan.

Hàng năm, Ban lãnh đạo Công ty thực hiện đánh giá định kỳ 06 tháng đầu năm và đánh giá tổng kết năm, qua đó có quyết định khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động.

Mức lương bình quân

Năm	Đơn vị tính	2012	2013	2014
Thu nhập bình quân	đồng/người/tháng	8.630.000	7.890.000	8.640.000
Tăng trưởng	%	-	-	9,50

Nguồn: VTTC

Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty được giữ mức ổn định qua các năm. Đây là mức thu nhập khá so với các doanh nghiệp khác trong ngành trên địa bàn.

10. Chính sách cổ tức

HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành.VTTC cũng xét tới kế hoạch và định hướng, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Chính sách cổ tức của Công ty trong những năm qua như sau:

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức thanh toán
Năm 2013	12%	Tiền mặt
Năm 2014	12%	Tiền mặt

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 của VTTC

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a) Trích khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 6 – 38 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn :6 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị : 6 - 10 năm

- Thiết bị quản lý : 3 - 6 năm
- TSCĐ vô hình : 3 năm

b) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2014 và Báo cáo Tài chínhCông ty lập tại thời điểm 30/06/2015, Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

c) Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp thuế theo quy định của Nhà nước.

Số dư các loại thuế phải nộp theo luật định

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Thuế GTGT	210.995.448	222.889.122	273.527.446
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.179.778.341	326.521.349	
Thuế thu nhập cá nhân	182.046.889	284.124.831	18.939.640
Thuế nhà đất và tiền thuê đất			6.903.408
Thuế khác	913.230.579		
Các khoản phải nộp khác	851.421.653		33.953.409
Tổng cộng	**4.337.472.910**	**833.535.302**	**333.323.903**

Nguồn: BCTC KT 2014 BCTC Quý2/2015 của VTTC

d) Tổng dư nợ vay

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Nợ ngắn hạn	273.885.448.117	331.291.057.592	516.180.290.650
Trong đó: Vay và nợ ngắn hạn	*54.372.907.507*	*95.739.548.056*	*145.168.839.207*
Nợ dài hạn	10.378.717.413	8.185.167.733	7.166.736.377
Trong đó: Vay và nợ dài hạn	*10.378.717.413*	*8.185.167.733*	*7.166.736.377*

Nguồn: BCTC KT 2014 BCTC Quý2/2015 của VTTC

Hiện tại, Công ty không có nợ các khoản nợ phải trả quá hạn.

e) Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu

Đơn vị: triệu đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Phải thu ngắn hạn	**145.578.717.548**	**171.461.465.095**	**286.401.164.273**
Phải thu khách hàng	143.509.191.894	131.378.927.345	265.740.584.319
Trả trước cho người bán	1.238.553.262	38.278.653.631	15.718.385.064

KHOẢN MỤC	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Phải thu khác	2.362.217.926	2.232.929.653	5.371.240.424
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.531.245.534)	(429.045.534)	(429.045.534)
Phải thu dài hạn			**500.416.667**
Phải thu dài hạn khác			500.416.667
Tổng cộng	**145. 578.717.548**	**171.461.465.095**	**286.901.580.940**

Nguồn: BCTC KT 2014 BCTC Quý2/2015 của VTTC

Các khoản phải trả

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Tổng nợ ngắn hạn	**273.885.448.117**	**331.291.057.592**	**516.180.290.650**
Vay và nợ ngắn hạn	54.372.907.507	95.739.548.056	145.168.839.207
Phải trả người bán	171.487.084.549	162.684.062.176	312.825.452.162
Người mua trả tiền trước	31.461.380	28.278.812.475	18.109.990.828
Thuế và các khoản phải nộp NN	4.337.472.910	833.535.302	333.323.903
Phải trả người lao động	10.218.421.223	7.185.771.855	5.758.351.078
Chi phí phải trả	453.354.949	707.681.036	2.521.266.045
Phải trả nội bộ	8.904.684.200	7.726.750.013	6.769.184.599
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	2.016.205.135	2.615.067.089	3.577.771.764
Dự phòng phải trả ngắn hạn	15.089.921.278	16.812.937.285	13.559.698.345
Qũy khen thưởng phúc lợi	6.973.934.986	8.706.892.305	7.556.412.719
Tổng nợ dài hạn	**10.378.717.413**	**8.185.167.733**	**7.166.736.377**
Vay và nợ dài hạn	10.378.717.413	8.185.167.733	7.166.736.377
Tổng cộng	**284.264.165.530**	**339.476.225.325**	**523.347.027.027**

Nguồn: BCTC KT 2014 BCTC Quý2/2015 của VTTC

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	30/6/2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,06	1,05	1,04
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,79	0,71	0,65
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)				
Nợ/Tổng tài sản	%	87,65	89,02	92,06
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	709,99	810,51	1160,00

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	30/6/2015
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	10,83	8,63	6,17
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,72	2,63	2,16
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,78	0,85	0,32
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	17,30	19,18	7,43
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,14	2,23	0,68
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	-	-	-

Nguồn: BCTC KT 2014 BCTC Quý2/2015 của VTTC

12. Tài sản

12.1 Tài sản cố định

Giá trị tài sản cố định hữu hình theo báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014.

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	GTCL	%GTCL/NG
I	Tài sản cố định hữu hình	29.267.136.506	9.079.997.665	31,02
II	Tài sản cố định vô hình	554.050.000	96.311.089	17,38
III	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
	Tổng cộng	**29.821.186.506**	**9.176.308.754**	**30,77**

Nguồn: BCTC KT 2014 VTTC

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2015 – 2016

13.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2015-2016

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	% tăng giảm so với năm 2014	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2015
Vốn điều lệ	Triệu đồng	25.000	0%	25.000	0%
Tổng doanh thu	Triệu đồng	900.000	-3,1%	905.000	0,56%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.500	-4,6%	7.800	4%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	0,83	-	0,86%	-
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	30	-	31,2	-
Cổ tức	%	14	-	14	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 của VTTC

13.2 Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức.

Năm 2015, tình hình kinh tế thế giới vẫn diễn biến khó lường, dự báo kinh tế phục hồi chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Kinh tế Việt Nam tiếp tục hội nhập sâu rộng khiến cho sự cạnh tranh về chất lượng và giá cả trên cả hai lĩnh vực kinh doanh du lịch và thương mại ngày càng khốc liệt. Bên cạnh đó, trong năm 2015, tình hình hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam dự kiến cũng sẽ gặp không ít khó khăn do các nguyên nhân chủ quan và khách quan. Điều này khiến cho hoạt động kinh doanh của VTTC cũng bị ảnh hưởng phần nào

Tuy nhiên, bên cạnh những khó khăn trước mắt, bức tranh kinh tế toàn cảnh năm 2015 cũng cho thấy những điểm sáng nhất định. Theo dự báo, kinh tế Việt nam sẽ có mức phục hồi cao so với năm trước, dự kiến mức tăng trưởng bình quân sẽ là khoảng 6%.Lạm phát tiếp tục được kiểm soát, lãi suất cho vay tiếp tục được giữ ở mức ổn định. Về nội lực, Công ty hiện đang có được đội ngũ CBCNV nhiệt huyết, nhiều kinh nghiệm, dãm nghĩ, dám làm. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty cũng luôn cho thấy được sự chỉ đạo sát sao đến các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh thường ngày.

Nắm bắt được những lợi thế cũng như khó khăn trong năm tới, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra mục tiêu sản xuất kinh doanh không có nhiều sự thay đổi so với các năm trước.Điều này thể hiện được tầm nhìn chiến lược cũng như sự cẩn trọng cần thiết đối với các biến động bất thường của nền kinh tế. Thực tế cho thấy, theo Báo cáo tài chính Quý 2/2015, doanh thu 6 tháng đầu năm của VTTC đạt hơn 1.000 tỷ đồng, hoàn thành vượt 10% kế hoạch của cả năm 2015. Tuy tỷ trọng lợi nhuận có giảm xuống so với cùng kỳ năm ngoái, nếu Công ty vẫn duy trì được đà tăng trưởng như hiện tại, việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh những năm tới là rất khả quan.

14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Căn cứ kết quả thực hiện đề án phát triển của Công ty nhiệm kỳ I (2005-2009) và nhiệm kỳ II (2010-2014) đã được ĐHĐCĐ Côngn ty thông qua,VTTC đã đề ra định hướng phát triển công ty nhiệm kỳ III (giai đoạn 2015-2019)là tiếp tục xây dựng Công ty ổn định và phát triển trên các lĩnh vực chủ đạo, bao gồm kinh doanh du lịch và thương mại. Mục tiêu của Công ty là tạo được sản phẩm chất lượng dịch vụ tốt, giá thành hợp lý, cạnh tranh, nâng cap uy tín thương hiệu của VTTC. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn đặt mục tiêu tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, nâng cao thu nhập cho các CBCNV đồng thời phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và chi trả cổ tức cho các cổ đông. Dự kiến, mức tăng trưởng doanh thu mục tiêu hàng năm là từ 5% đến 10%. Một số mục tiêu cụ thể của Công ty bao gồm:

a) Mục tiêu kinh doanh du lịch lữ hành:

Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh, phát triển du lịch lữ hành quốc tế dựa trên nền tảng đã đạt được trong giai đoạn 2006-2009 và 2010-2014. Đồng thời ngày càng nângcao chất lượng phục vụ nhằm đưa du lịch lữ hành phát triển thành ngành mũi nhọn với tốc độ kinh doanh tăng trưởng cao. Công ty dự kiến đếnn năm 2020 hoạt động du lịch lữ hành của Công ty sẽ có khoảng 15.000 lượt khách/năm, trong đó:

- Đi nước ngoài: 2.000 người
- Nội địa: 12.000 người
- Nước ngoài vào Việt Nam: 1.000 người

b) Mục tiêu về kinh doanh khách sạn:

VTTC dự kiến quy hoạch, đầu tư xây dựng khu hỗn hợp văn phòng làm việc, khách sạn, dịch vụ tại khách sạn Vân Long bằng hình thức góp vốn liên doanh, liên kết, phát hành thêm cổ phiếu. Ngoài ra, Công ty cũng tiến hành cải tạo khách sạn Biển Đông, phối hợp lữ hành ở Hạ Long, kết

hợp đa dạng hóa dịch vụ mỏ, địa chất, đảo biển thành một trung tâm dịch vụ ăn, nghỉ, hội họp, du lịch sinh thái, lịch sử, văn hóa khu vực hạ Long – Yên Tử - Cát bà.

Dự kiến đến năm 2020 hệ thống khách sạn này sẽ có khoảng 300 phòng nghỉ, trong đó có 100 phòng đạt tiêu chuẩn đón khách quốc tế, hệ số sử dụng phòng đạt 50%-70% với doanh thu kinh doanh khách sạn dự kiến đạt trên 30 tỷ đồng/năm

c) Mục tiêu về thương mại:

Mục tiêu về mảng kinh doanh thương mại của Công ty bao gồm giữ vững thị trường trong ngành, đồng thời phát triển kinh doanh ngoài ngành. Đồng thời, Công ty cũng chủ trương tập trung nâng cao trình độ, kinh nghiệm để tham gia các gói thầu lớn trong nước và quốc tế, nghiên cứu và triển khai đối với thị trường khối các đơn vị hầm lò, dự án vận chuyển bằng băng tải, dự án điện của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. Dự kiến đến năm 2020, doanh thu thương mại của Công ty đạt trên 1.200 tỷ đồng/năm

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu

Không có.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ	Ghi chú
1	Lê Quang Bình	25/12/1964	091033452	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
2	Nguyễn Đoan Trang	28/10/1968	012128493	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
3	Nguyễn Thị Kim Oanh	21/01/1964	012882701	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
4	Nguyễn Mạnh Toàn	15/09/1978	100673301	Ủy viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Nguyễn Quỳnh Phương	30/10/1979	012711341	Ủy viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành

Các thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Ông Lê Quang Bình- Chủ tịch HĐQT

1. Họ và tên: Lê Quang Bình
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 25/12/1964
4. Nơi sinh: Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
5. Quốc tịch: Việt nam
6. Hộ khẩu thường trú:Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
7. CMND số: 091033452… Nơi cấp: .Hà Nội.....Ngày cấp: 13/3/2003
8. Điện thoại liên hệ: 0913 286 925
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:Chủ tịch Hội đồng quản trị
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

    Trưởng ban – Thành viên ban QL vốn – Tập đoàn TKV

12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 07/1987 - 10/1994	trường Cao đẳng nghề Mỏ Việt Bắc	Giáo viên
Từ 11/1994 – 06/1996	Nhà máy xi măng La Hiên	Trưởng phòng KT
Từ 07/1996 – 11/2002	Nhà máy xi măng La Hiên	Phó giám đốc

Từ 12/2002 – 01/2012	Nhà máy xi măng La Hiên	Giám đốc
Từ 02/2012 đến nay	Thành viên ban QL vốn – Tập đoàn TKV	Trưởng ban
Từ 07/2015đến nay	CTCP Du lịch và thương mại – Vinacomin	Chủ tịch HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật**:** Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 900.021 cổ phần chiếm 36% vốn điều lệ
15. Sở hữu của người có liên quan: Không
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

b) BàNguyễn Đoan Trang–Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc

1. Họ và tên*:* Nguyễn Đoan Trang
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh*:* 28/10/1968
4. Nơi sinh: Đức Trường – Đức Thọ – Hà Tĩnh
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú:Số nhà 44 – Ngõ 208 – Đường Giải Phóng – Hà Nội
7. CMND số: 012128493 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 25/12/2005
8. Điện thoại liên hệ:0913.236.969
   Điện thoại cố định: 04.3518.7730
9. Trình độ chuyên môn:Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên Hội đồng Quản trị - Giám đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/1994 – 05/1997	Chi nhánh Công ty Than Cẩm Phả tại Hà Nội	Cán bộ
06/1997 – 09/1997	Chi nhánh Công ty Than Cẩm Phả tại Hà Nội	Phó phòng Tổng hợp
10/1997 – 03/2000	Công ty XNK và HTQT – Tổng Công ty Than Việt Nam	Phó phòng XNK 4
04/2000 – 08/2001	Công ty XNK và HTQT – Tổng Công ty Than Việt Nam	Trưởng phòng XNK 4
09/2001 – 03/2002	Công ty Du lịch và Thương mại - Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam.	Trưởng phòng Thương mại

04/2002 - 12/2004	Công ty Du lịch và Thương mại – TKV	Trưởng phòng Thương mại
01/2005 – 12/2012	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại – VINACOMIN	Phó Giám đốc
Từ 2013 đến nay	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại – VINACOMIN	Giám đốc
Từ 2008 đến nay	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại – VINACOMIN	Thành viên HĐQT
Đến 05/2015	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại – VINACOMIN	UV BCH Đảng ủy
Từ 06/2015 đến nay	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại – VINACOMIN	Bí thư Đảng ủy

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
- Sở hữu cá nhân: 62.422 CP, tỷ lệ 2,50%
- Sở hữu đại diện: Không
15. Sở hữu của người có liên quan: Không
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

c) BàNguyễn Thị Kim Oanh – Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Oanh
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 21/01/1964
4. Nơi sinh: Nam Hồng – Nam Ninh – Nam Định
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú: Số 17 – Ngách 267/48 Hoàng Hoa Thám – Liễu Giai – Ba Đình – Hà Nội
7. CMND số: 012882701 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 16/06/2006
8. Điện thoại liên hệ: 0913.249.281
   Điện thoại cố định: 04.3518.4677
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên Hội đồng Quản trị - Phó Giám đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1982 – 1987	Xí nghiệp vận tải ô tô Cẩm Phả	Nhân viên kế toán
1990 – 1993	Công ty than Cọc Sáu	Kế toán
1994 – 10/2001	Công ty than Cọc Sáu	Phó phòng Kế toán tài chính

11/2001 – 31/12/2005	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại – TKV	Kế toán trưởng
01/2006 đến nay	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại – TKV	Phó Giám đốc
Từ 2008 đến nay	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại – VINACOMIN	Thành viên HĐQT, PGĐ

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
- Sở hữu cá nhân: 15.254 CP, tỷ lệ 0,61%
- Sở hữu đại diện: Có
15. Sở hữu của người có liên quan

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nguyễn Thị Thanh Thủy	Em gái	1.000	0,04

16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

d) Ông Nguyễn Mạnh Toàn– Ủy viên HĐQT

1. Họ và tên: Nguyễn Mạnh Toàn
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 15/09/1978
4. Nơi sinh: Yên Nhân- Yên Mô- Ninh Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú: Tổ 85, khu 5, phường Bạch Đằng, Hạ Long, Quảng Ninh
7. CMND số: 100673301 Nơi cấp: CA Quảng Ninh Ngày cấp: 15/12/2010
8. Điện thoại liên hệ: 0912.669.299
9. Trình độ chuyên môn: Đại học
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên Hội đồng Quản trị
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2006 – 11/2006	Chi nhánh Quảng Ninh - CTCP Du lịch và Thương mại – Vinacomin	Nhân viên phòng kinh doanh
12/2006 – 01/2009	Chi nhánh Quảng Ninh - CTCP Du lịch và Thương mại – Vinacomin	Phó trưởng phòng kinh doanh
02/2009 – 8/2010	Chi nhánh Quảng Ninh - CTCP Du lịch và Thương mại – Vinacomin	Trưởng phòng kinh doanh
9/2010 – 9/2014	Chi nhánh Quảng Ninh - CTCP Du lịch và Thương mại – Vinacomin	Phó giám đốc

10/2014 đến nay	Chi nhánh Vân Long - CTCP Du lịch và Thương mại – Vinacomin	Ủy viên Hội đồng Quản trị

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
- Sở hữu cá nhân: 13.119 CP, tỷ lệ 0,52%
- Sở hữu đại diện: Không
15. Sở hữu của người có liên quan: Không
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

e) BàNguyễn Quỳnh Phương– Ủy viên HĐQT

1. Họ và tên:Nguyễn Quỳnh Phương
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 30/10/1979
4. Nơi sinh: Ninh Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú: P909, Chung cư Chelsea Park, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
7. CMND số: 012711341 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 12/08/2009
8. Điện thoại liên hệ: 0988.368.686
   Điện thoại cố định: 04.35185358
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2002 – 2006	Công ty CP Du lịch và Thương mại – VINACOMIN (VTTC)	Chuyên viên phòng Thương mại
2007 – 2009	Công ty CP Du lịch và Thương mại – VINACOMIN (VTTC)	Chuyên viên phòng XNK1
2010 – 5/2013	Công ty CP Du lịch và Thương mại – VINACOMIN (VTTC)	Phó phòng XNK1
Từ 5/2013 đến nay	Công ty CP Du lịch và Thương mại – VINACOMIN (VTTC)	Ủy viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
- Sở hữu cá nhân: 146.812 CP, tỷ lệ 5,87%
- Sở hữu đại diện: Không
15. Sở hữu của người có liên quan: Không
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Nguyễn Anh Chung	28/6/1981	107368662	Trưởng ban Kiểm soát
2	Vương Ngọc Quảng	25/05/1960	100629736	Ủy viên Ban Kiểm soát
3	Bùi Thanh Trường	19/10/1974	022074000013	Ủy viên Ban Kiểm soát

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban kiểm soát như sau:

a) Ông Nguyễn Anh Chung– Trưởng ban kiểm soát

1. Họ và tên: Nguyễn Anh Chung
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 28/6/1981
4. Nơi sinh: Lê Thanh- Mỹ Đức- Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú: C7, Sông Đà II, Vạn Phúc , Hà Đông, Hà Nội
7. CMND số: 107368662 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 07/04/2012
8. Điện thoại liên hệ: 0944.550.286
   Điện thoại cố định: 04.38510724
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ EMBA
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng ban Kiểm soát
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:Không
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006 – 2008	Hợp tác xã vận tải Miếu Môn	Kế toán tổng hợp
2008 – 2009	Tập đoàn CN than Khoáng sản Việt Nam	Chuyên viên ban pháp chế
2009 – 2011	Văn phòng đại diện TKV tại Campuchia- Tập đoàn CN than Khoáng sản Việt Nam	TP kế toán
2011– 2013	Tập đoàn CN than Khoáng sản Việt Nam	Chuyên viên Ban kiểm toán nội bộ
2013 đến nay	Tập đoàn CN than Khoáng sản Việt Nam	Chuyên viên Ban kiểm soát nội bộ
Từ 06/2015đến nay	CTCP Du lịch và thương mại – Vinacomin	Trưởng ban kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
- Sở hữu cá nhân: 0 CP, tỷ lệ 0%
- Sở hữu đại diện: Không
15. Sở hữu của người có liên quan: Không
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

b) Ông Vương Ngọc Quảng– Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Vương Ngọc Quảng
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 25/05/1960
4. Nơi sinh: Bắc Phú – Kim Thị - Hải Hưng
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú: Số 7 – Ngõ 41/59 – Phố Vọng - HBT – Hà Nội
7. CMND số: 100629736 Nơi cấp: Quảng Ninh Ngày cấp: 01/04/1990
8. Điện thoại liên hệ: 0913.261.140
   Điện thoại cố định: 04.3628.3209
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên Ban Kiểm soát
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1981 - 6/1983	Ban kiến thiết mỏ Mông Dương	Nhân viên kế toán
7/1983 - 8/1993	Công ty than Thống Nhất	Nhân viên kế toán
9/1993 – 6/1996	Công ty than Cẩm Phả	Nhân viên kế toán
7/1996 -7/1998	Xí nghiệp làm đường Mỏ	Kế toán trưởng
8/1998 – 6/1999	XN sản xuất hàng tiêu dùng	Kế toán trưởng
7/1999 – 7/2003	Công ty xây dựng Mỏ	Trưởng phòng kế toán, thanh tra
8/2003 - 6/2005	Công ty CP Du lịch và Thương mại- Vinacomin	Phó phòng kế hoạch đầu tư
7/2005 – 10/2010	CN Đắc Nông, trưởng ban khoán- Công ty CP Du lịch và Thương mại- Vinacomin	Trưởng phòng kế hoạch kiêm Giám đốc CN Đăknông
11/2010 – 7/2013	Công ty CP Du lịch và Thương mại- Vinacomin	Trưởng phòng công ty, phó phòng TCHC, thư ký HĐQT
8/2013- Nay	Công ty CP Du lịch và Thương mại- Vinacomin	Ủy viên Ban Kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 3.196 CP, tỷ lệ 0,13%
- Sở hữu đại diện: Không

15. Sở hữu của người có liên quan: Không
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

c) ÔngBùi Thanh Trường– Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Bùi Thanh Trường
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 19/10/1974
4. Nơi sinh: Thụy Trường – Thái Thụy – Thái Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú: Ô78 – B3 – Khu đô thị Đại Kim – Hoàng Mai – Hà Nội
7. CMND số: 022074000013 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 01/07/2014
8. Điện thoại liên hệ: 0937.826.688
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên Ban Kiểm soát – Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1995 – 04/1999	Công ty Than Nội địa	Chuyên viên Phòng Thương mại thị trường
05/1999 – 05/2000	Trung tâm giao dịch Than Việt Nam	Chuyên viên phòng kế toán
06/2000 – 01/2001	Công ty Du lịch Than Việt Nam	Chuyên viên phòng kế toán
02/2001 – 12/2001	Công ty Du lịch Than Việt Nam	Phó phòng Kế toán
01/2002 – 12/2009	Công ty CP Du lịch và Thương mại – VINACOMIN	Phó phòng Kế toán
Từ 01/2010 đến nay	Công ty CP Du lịch và Thương mại – VINACOMIN	Trưởng phòng Kế hoạch đầu tư
Từ 04/2010	Công ty CP Du lịch và Thương mại – VINACOMIN	Thành viên Ban kiểm soát, TP KHĐT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
- Sở hữu cá nhân: 31.324 CP, tỷ lệ 1,25%
- Sở hữu đại diện: Không
15. Sở hữu của người có liên quan: Không

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Bùi Thanh Hùng	Anh trai	20.751	0,83

16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

3. Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Nguyễn Đoan Trang	28/10/1968	012128493	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc
2	Nguyễn Thị Kim Oanh	21/01/1964	012882701	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
3	Trần Tất Thành	23/01/1973	033073000113	Phó Giám Đốc
4	Nguyễn Thanh Tùng	11/04/1973	012655044	Phó Giám Đốc
5	Trần Thị Ngọc Uyển	18/04/1966	011390138	Kế toán trưởng

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban Giám đốc như sau:

a) BàNguyễn Đoan Trang– Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc

Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT

b) BàNguyễn Thị Kim Oanh– Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT

c) Ông Trần Tất Thành– Phó Giám đốc

1. Họ và tên: Trần Tất Thành
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh:23/01/1973
4. Nơi sinh:Chính Nghĩa – Kim Động – Hưng Yên
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú: Số 155 ngõ 2 Phường Cao Thắng, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
7. CMND số: 033073000113 Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư Ngày cấp: 30/12/2014
8. Điện thoại liên hệ: 091 3060526
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1993-11/1998	Công ty TNHH Hải Âu	Nhân viên
2/99 – 8/2000	K/S Tư nhân tại Hà Nội	Nhân viên
9/2000 – 1/2001	K/S Biển đông – QN	Nhân viên
02/2001 - 1/2003	K/S Biển đông – QN	Trợ lý giám đốc
2/2003 – 3/2004	K/S Biển đông - Công ty CP Du lịch và TM – TKV	Phó giám đốc

4/2004 – 4/2005	K/S Biển đông - Công ty CP Du lịch và TM – TKV	Giám đốc
5/2005 – 12/2005	Chi nhánh Quảng Ninh - Công ty CP Du lịch và TM - TKV	Phó giám đốc
1/2006 -8/2010	Chi nhánh Quảng Ninh - Công ty CP Du lịch và TM - TKV	UV HĐQT, Giám đốc CN QN
9/2010 – 15/6/2015	Công ty CP Du lịch và Thương mại - TKV nay là Cty CP Du lịch và Thương mại Vinacomin	UV HĐQT, Phó giám đốc Cty
16/6/2015 đến nay	Công ty CP Du lịch và Thương mại Vinacomin	Phó giám đốc Cty

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 10.016 CP, tỷ lệ: 0,4%
- Sở hữu đại diện: Không

15. Sở hữu của người có liên quan

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Đăng Thị Hương	Vợ	5.492	0,219

16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

d) ÔngNguyễn Thanh Tùng– Phó Giám đốc

1. Họ và tên: Nguyễn Thanh Tùng
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 11/04/1973
4. Nơi sinh: Xã Tân Phúc – huyện Ân Thi – tỉnh Hải Dương
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú: Số 1/34/17 ngõ 01 phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
7. CMND số: 012655044 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 06/10/2003
8. Điện thoại liên hệ: 091 3315333
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ, kỹ Sư Kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
10/1996-9/1997	CN Cty Than Cẩm Phả tại Hà Nội	Chuyên viên
10/1997 – 02/2002	Công ty Xuất nhập khẩu than	Chuyên viên

03/2002 – 07/2002	Công ty CP Du lịch và TM - TKV	Chuyên viên
08/2002 – 12/2004	Công ty CP Du lịch và TM - TKV	P.phòng TM
01/2005 – 10/2005	Công ty CP Du lịch và TM - TKV	Tr.phòng TM
11/2005 – 04/2013	Công ty CP Du lịch và TM - TKV nay là Công ty CP Du lịch và TM - Vinacomin	Tr. phòng XNK I
05/2013 đến nay	Công ty CP Du lịch và TM - Vinacomin	Phó Giám đốc Cty

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
- Sở hữu cá nhân: 44.392 CP, Tỷ lệ: 1,77 %
- Sở hữu đại diện: Không
15. Sở hữu của người có liên quan
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

e) Bà Trần Thị Ngọc Uyển–Kế toán trưởng

1. Họ và tên: Trần Thị Ngọc Uyển
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh:18/04/1966
4. Nơi sinh: Huyện Yên Mỹ - Tỉnh Hưng Yên
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú: Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuânl, Hà Nội
7. CMND số: 011390138 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 19/03/2009
8. Điện thoại liên hệ: 091 2816818
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1/1988 - 01/1993	Nhà máy cơ khí Trung tâm cẩm phả	Chuyên viên kế toán
02/1993 - 7/1997	Nhà máy bia – Cty Bia Cẩm Phả	Chuyên viên kế toán
8/1997 - 01/2002	Nhà máy bia – Cty Bia Cẩm Phả	Phó phòng kế toán
2/2002 - 9/2002	Công ty Du lịch và Thương mại	Chuyên viên kế toán
10/2002- 12/2005	Công ty Du lịch và Thương mại -TKV	Phó phòng kế toán
1/2006- đến nay	CTCP Du lịch và Thương mại - Vinacomin	Kế toán trưởng

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
- Sở hữu cá nhân: 9.059, Tỷ lệ: 0,36%
- Sở hữu đại diện: Không

15. Sở hữu của người có liên quan : Không
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Để tăng cường quản trị công ty Hội đồng quản trị đã tuân thủ các quy chế về quản trị công ty, luật doanh nghiệp, triển khai các biện pháp tăng cường quản trị Công ty. Cụ thể là:

- Hoàn thiện định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn 05 năm tới; xác định rõ định hướng nghành nghề để xây dựng chiến lược đầu tư, chiến lược kinh doanh dịch vụ đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty; xác định giá trị cốt lõi của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin
- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý nhằm tăng cường hiệu lực hoạt động của bộ máy, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiện của các đơn vị.
- Chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát đảm bảo cho các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; các quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ được thực thi trong toàn công ty.
- Triển khai mạnh mẽ các giải pháp tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp; hoàn thiện và áp dụng các quy trình, phương thức quản trị doanh nghiệp thật sự khoa học, tinh gọn đảm bảo hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý.
- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự gắn bó của người lao động đối với Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin phục vụ quản lý.

III. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa

Điện thoại: 04 3783 3911 Fax: 04 3783 3914

Website: http://www.bdo.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 3, TT Hội nghị công đoàn, số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.38181888 Fax: 04.38181688

Website: http://www.shs.com.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, Số 236-238 Ng.Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM

Điện thoại: (08) 39151368 Fax: (08) 39151369

Chi nhánh Đà Nẵng:

Địa chỉ: Số 97 đường Lê Lợi, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.3525777 Fax: 0511.3525779

IV. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty/VTTC/DLT	:	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại -Vinacomin
CTCP	:	Công ty cổ phần
Cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại -Vinacomin
VĐL	:	Vốn điều lệ
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BTGĐ	:	Ban Điều hành
BKS	:	Ban Kiểm soát
CBCNV	:	Cán bộ nhân viên
Giấy CNĐKKD	:	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
BCTC	:	Báo cáo tài chính
BCTC KT	:	Báo cáo tài chính kiểm toán
VND	:	Đồng Việt Nam

V. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục 01:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục 03:** Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2014

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2015

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**
(đã ký)	**(đã ký)**
LÊ QUANG BÌNH	**NGUYỄN ANH CHUNG**
GIÁM ĐỐC	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
(đã ký)	**(đã ký)**
NGUYỄN ĐOAN TRANG	**TRẦN THỊ NGỌC UYỂN**

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC

(đã ký)

VŨ ĐỨC TIẾN